

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 27/10/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA- TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Đứng.

2. Nguyễn Bảo Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký TAND thị xã Đông Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2021, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N; Trụ sở chính: 198 K, phường T, quận K, thành phố Hà Nội. **Đại diện theo pháp luật:** Ông Nghiêm Xuân T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền: Ông Hà Đức T – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch thị xã Đ - Ngân hàng N chi nhánh Phú Yên; Địa chỉ: Tòa nhà Bưu Điện, phường V, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thụy Như Y, sinh năm 1995 và ông Trương Vĩnh B (chết); Trú tại: Khu phố B, phường X, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Bà Y vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trương Vĩnh B:

+ Ông Trương Văn T, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1941 (cha, mẹ); Địa chỉ: Khu phố B, phường X, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Ông T, bà K đều vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thụy Như Y, sinh năm 1995; Trú tại: Khu phố B, phường X, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

+ Trương Vĩnh H, sinh ngày 28/3/2011 và Trương Vĩnh Hi, sinh ngày 22/10/2012 (con ruột). *Đại diện hợp pháp*: Bà Nguyễn Thụy Như Y, sinh năm 1995; Trú tại: Khu phố B, phường X, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 26/4/2017, giữa Ngân hàng N và vợ chồng ông Trương Vĩnh B, bà Nguyễn Thụy Như Y có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số: 0417/HĐTL-TVB. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho ông Bình, bà Ý đã vay số tiền: 150.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn là 9,5%/năm; lãi quá hạn là 150% lãi suất vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông Trương Vĩnh B và bà Nguyễn Thụy Như Y đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất gồm 236 m² (gồm 100m² đất ở nông thôn và 136 m² đất trồng cây hàng năm khác), thửa đất số: 194, tờ bản đồ: 09 tại địa chỉ: Thôn B 2, xã T, huyện Đ (nay là Khu phố B, phường X, thị xã Đ), tỉnh Phú Yên được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CA 372874, sổ vào sổ CH 01372 cấp ngày 13/01/2017 (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017 được ký kết giữa các bên).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông B và bà Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận, do đó đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 27/10/2021, ông B và bà Y còn nợ Ngân hàng số tiền 228.472.603 đồng (nợ gốc: 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.486.301 đồng và nợ lãi quá hạn 24.986.302 đồng).

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ nói trên và tiền lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017 cho đến khi thanh toán xong số dư nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gồm 236 m² thuộc thửa đất số: 194, tờ bản đồ: 09 tại địa chỉ: Thôn B 2, xã T, huyện Đ (nay là Khu phố B, phường X, thị xã Đ), tỉnh Phú Yên, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017 được ký kết giữa Ngân hàng N – chi nhánh Phú Yên – Phòng giao dịch Đông Hòa với ông Trương Vĩnh B và bà Nguyễn Thụy Như Y để ngân hàng thu hồi nợ theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn T trình bày: Tôi (T) và bà Nguyễn Thị K là cha mẹ ruột của ông Trương Vĩnh B (chết năm 2017). Trương Vĩnh B có vợ là Nguyễn Thụy Như Y. Tuy nhiên vợ chồng không còn sống chung với nhau, năm 2017 con dâu (Y) bỏ nhà đi cho đến nay. Vợ chồng có hai con chung Trương Vĩnh H, sinh ngày 28/3/2011 và Trương Vĩnh Hi, sinh ngày 22/10/2012 hiện nay đang ở với vợ chồng tôi. Việc vợ chồng B và Y có vay Ngân hàng làm ăn như thế nào vợ chồng tôi không rõ, nay ngân hàng khởi kiện vợ chồng B, Y thì tôi thống nhất và không có ý kiến gì. Đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp trả nợ cho Ngân hàng. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Nguyễn Thụy Như Y, bà Nguyễn Thị K, em Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét

xử, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện.

Đại diện VKSND thị xã Đông Hòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thụy Như Y và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trương Vĩnh B (ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thụy Như Y, Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi) phải trả cho Ngân hàng N số tiền 228.472.603 đồng (nợ gốc: 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.486.301 đồng và nợ lãi quá hạn 24.986.302 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017.

Kể từ ngày 28/10/2021, bà Nguyễn Thụy Như Y và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trương Vĩnh B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thụy Như Y, Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi chỉ phải trả số tiền trong phạm vi di sản của ông Trương Vĩnh B để lại.

Trường hợp bà Y và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trương Vĩnh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nói trên thì Ngân hàng N được yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất gồm 236 m² (gồm 100 m² đất ở nông thôn và 136 m² đất trồng cây hàng năm khác), thửa đất số: 194, tờ bản đồ: 09 tại địa chỉ: Khu phố B, phường X, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CA 372874, sổ vào sổ CH 01372 cấp ngày 13/01/2017, nhận tặng cho theo hồ sơ số 001240.TA.002 ngày 31/3/2017 (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017 được ký kết giữa các bên) để ngân hàng thu hồi nợ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N và vợ chồng ông Trương Vĩnh B và bà Nguyễn Thụy Như Y ký kết hợp đồng tín dụng số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017. Hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp về kinh doanh thương

mại”. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về dân sự là chưa chính xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú hiện nay tại khu phố B, phường X, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Căn cứ trích lục khai tử thì ông Trương Vĩnh B chết ngày 04/12/2017. Ông B chết không để lại di chúc, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B gồm: Ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị K (cha, mẹ ruột), Nguyễn Thụy Như Y (vợ) và Trương Vĩnh H, sinh ngày 28/3/2011 và Trương Vĩnh Hi, sinh ngày 22/10/2012 (con chung giữa ông B và bà Y). Căn cứ Điều 614 và khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự thì ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thụy Như Y, Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản (nếu có) trong phạm vi di sản của ông Trương Vĩnh B để lại theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Bị đơn bà Nguyễn Thụy Như Y và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của đương sự:

[4.1] Xét hợp đồng tín dụng số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017 được ký kết giữa Ngân hàng N và vợ chồng ông Trương Vĩnh B và bà Nguyễn Thụy Như Y được thực hiện hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch tuân thủ đúng pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

[4.2] Xét yêu cầu trả nợ vay và lãi: Giao dịch đang được thực hiện của hai bên là hợp đồng vay có kỳ hạn và có tính lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Xét giấy nhận nợ ngày 26/4/2017 (bà Nguyễn Thụy Như Y ký giấy xác nhận nợ) và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn nên có đủ cơ sở kết luận: Nguyên đơn có cho bị đơn ông B và bà Y vay số tiền 150.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến thời hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Ngày 24/04/2018, nguyên đơn đã chuyển số nợ gốc sang nợ quá hạn theo Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn số 01/TBNQH/NVD.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/10/2021, ông B và bà Y còn nợ Ngân hàng số tiền 228.472.603đồng (gồm nợ gốc: 150.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 53.486.301đồng và nợ lãi quá hạn 24.986.302đồng). Như vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc bị đơn bà Nguyễn Thụy Như Y và ông Trương Vĩnh B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 228.472.603đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 0417/HĐTL-TV B ngày 26/4/2017 tính từ ngày 28/10/2021 cho đến khi thanh toán xong số dư nợ gốc.

[4.3] Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gồm 236 m² (gồm 100m² đất ở nông thôn và 136 m² đất trồng cây hàng năm khác), thửa đất số: 194, tờ bản đồ: 09 tại địa chỉ: Khu phố B, phường X, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên do ông Trương Vĩnh B làm chủ sở hữu, được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CA 372874, sổ vào sổ CH 01372 cấp ngày 13/01/2017, nhận tặng cho theo hồ sơ số 001240.TA.002 ngày 31/3/2017, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0417/HĐTL-TV B ngày 26/4/2017 được ký kết giữa các bên để ngân hàng thu hồi nợ theo quy định.

[4.4] Trường hợp sau khi xử lý toàn bộ tài sản thế chấp mà chưa đủ trả nợ cho Ngân hàng N, thì bà Nguyễn Thụy Như Y còn phải tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi trả dứt điểm nợ cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu 2.000.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp xong).

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do đó bị đơn phải chịu (228.472.603đồng x 5%) = 11.423.630đồng án phí sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Do ông Trương Vĩnh B chết ngày 04/12/2017 nên bà Nguyễn Thụy Như Y và những người kế thừa nghĩa vụ của ông Trương Vĩnh B là ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thụy Như Y, Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ khoản nợ gốc, tiền lãi và án phí nêu trên.

Những người kế thừa nghĩa vụ của ông B chỉ thực hiện nghĩa vụ nêu trên trong phạm vi di sản do ông Trương Vĩnh B để lại.

[8] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa tại phiên tòa là phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 4 Luật thương mại; Điều 3 và Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 463, 466, 318, 325, 614 và khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

1. Buộc bà Nguyễn Thụy Như Y và những người kế thừa nghĩa vụ của ông Trương Vĩnh B (ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thụy Như Y, Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền 228.472.603 đồng (nợ gốc: 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.486.301 đồng và nợ lãi quá hạn 24.986.302 đồng).

Kể từ ngày 28/10/2021, bà Nguyễn Thụy Như Y và những người kế thừa nghĩa vụ của ông Trương Vĩnh B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017 được ký kết giữa Ngân hàng N và vợ chồng ông Trương Vĩnh B và bà Nguyễn Thụy Như Y cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

Những người kế thừa nghĩa vụ của ông B (ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thụy Như Y, Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi) chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do ông Trương Vĩnh B để lại.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thụy Như Y, ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thụy Như Y, Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gồm 236 m² (gồm 100 m² đất ở nông thôn và 136 m² đất trồng cây hàng năm khác), thửa đất số: 194, tờ bản đồ: 09 tại địa chỉ: Khu phố B, phường X, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên do ông Trương Vĩnh B làm chủ sở hữu, được UBND huyện Đ (nay là thị xã Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CA 372874, sổ vào sổ CH 01372 cấp ngày 13/01/2017, nhận tặng cho theo hồ sơ số 001240.TA.002 ngày 31/3/2017, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0417/HĐTL-TVB ngày 26/4/2017 được ký kết giữa Ngân hàng N và vợ chồng ông Trương Vĩnh B và bà Nguyễn Thụy Như Y để ngân hàng thu hồi nợ theo quy định.

3. Trường hợp sau khi xử lý toàn bộ tài sản thế chấp mà chưa đủ trả nợ cho Ngân hàng N, thì bà Nguyễn Thụy Như Y còn phải tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho đến khi trả dứt điểm nợ cho Ngân hàng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn tự nguyện chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp xong).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thụy Như Y, ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thụy Như Y, Trương Vĩnh H và Trương Vĩnh Hi có nghĩa vụ liên đới phải nộp 11.423.630 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền 4.736.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003303 ngày 10/02/2020 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa (nay là thị xã Đông Hòa), tỉnh Phú Yên.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thành Hưng